TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2024/DS-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Nhơn Vinh;

2. Ông Phan Thanh Phương;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố GC tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: 1.1/ Anh Nguyễn Tấn NH, sinh năm 1984;
Địa chỉ: ấp ĐN, xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An;
Tạm trú: ấp 3, xã BX, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang.

1.2/ Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: ấp 3, xã BX, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của chị L, anh NH: Chị Thái Bình Trần Thị Tường V, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: 28A VH, phường VT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hoà;
Địa chỉ liên hệ: 132A Nguyễn Văn Côn, phường 2, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: 2.1/ Anh Lê Tiến D, sinh năm: 1972; (Có mặt)
2.2/ Chị Trần Thị Mỹ NG, sinh năm 1973; (Xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp B, xã BX, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày*:

Nguyên đơn có cửa hàng Tấn NH chuyên mua bán vôi, thức ăn và thuốc để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Vợ chồng chị Trần Thị Mỹ NG và anh Lê Tiến D là người nuôi trồng thủy sản. Theo đó, chị NG, anh D đã mua vôi, thức ăn nuôi tôm và thuốc của cửa hàng từ ngày 06/02/2020 đến ngày 24/4/2021, việc mua bán diễn ra thành NH đợt và theo từng vụ nuôi tôm; tổng cộng quy ra thành tiền với số tiền là 853.945.000 đồng. Sau đó vợ chồng anh D, chị NG trả được số tiền là 165.180.000 đồng nên còn nợ lại số tiền là 688.765.000 đồng (hai bên chốt nợ vào ngày 04/7/2021). Ngày 07/8/2021 anh D ký giấy xác nhận nợ với số tiền 688.765.000 đồng, bị đơn cam kết hạn cuối là ngày 30/12/2023 sẽ thanh toán hoàn tất số nợ này. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh D, chị NG không thực hiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu chị Trần Thị Mỹ NG và anh Lê Tiến D có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền là 688.765.000 đồng, không tính lãi. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Lê Tiến D trình bày:*

Anh thống nhất vợ chồng anh có mua thức ăn tôm và vôi (vật tư nuôi trồng thuỷ sản) của nguyên đơn và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền là 688.765.000 đồng, vợ chồng anh đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng bị đơn Trần Thị Mỹ NG trình bày:*

Vợ chồng chị còn nợ nguyên đơn số tiền 688.765.000 đồng, thống nhất ý kiến của anh Lê Tiến D, do bận công việc nên xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố GC tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã BX, thành phố GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản

1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền mua bán vật tư nuôi trồng thuỷ sản. Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*".

[3]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền mua bán vật tư nuôi trồng thuỷ sản còn nợ là 688.765.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp giấy xác nhận nợ ngày 07/8/2021 do anh D ký tên xác nhận và một sổ theo dõi mua bán có kết nợ do anh D ký tên. Bị đơn anh D, chị NG thống nhất và đồng ý trả số tiền 688.765.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng do hoàn cảnh quá khó khăn.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở, bởi vì giao dịch mua bán giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua giấy xác nhận nợ ngày 07/8/2021 và sổ theo dõi mua bán có chốt nợ ngày 04/7/2021 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong giấy xác nhận nợ ngày 07/8/2021 và kết nợ ngày 04/7/2021 thể hiện anh D còn nợ số tiền 688.765.000 đồng tiền vật tư nuôi trồng thuỷ sản của anh NH, chị L, thời gian hoàn tất nợ vào ngày 30/12/2023. Bị đơn anh D, chị L thừa nhận nợ và đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Như vậy xác định anh D, chị NG còn nợ anh NH, chị L số tiền 688.765.000 đồng.

Xét thấy số tiền trên bị đơn nợ đã lâu, khi hai bên chốt nợ có thoả thuận ngày hoàn tất nợ là 30/12/2023 nhưng bị đơn đã không thực hiện, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua tài sản theo Điều 440 Bộ luật Dân sự. Việc bị đơn xin trả dần sẽ gây thiệt thòi quyền L cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét thấy bị đơn có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên Hội đồng xét xử xem xét giảm ½ án phí cho bị đơn.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn NH và chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc anh Lê Tiến D và chị Trần Thị Mỹ NG có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tấn NH và chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tổng cộng 688.765.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc anh Lê Tiến D và chị Trần Thị Mỹ NG phải chịu 15.775.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Tấn NH và chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.775.300 đồng theo biên lai thu số 0000763 ngày 15/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC (nay là thành phố GC), tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND.TPGC;
- Chi cục THADS.TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo